

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 7 - 2021

*“V/v Không công nhận quan hệ
vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quynh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và ông Trần Ngọc Chiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2021/TLST - HNGĐ ngày 25/5/2021 về việc: "Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vương Thị M, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ B, khu , phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ S, khu N, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/5/2021, lời tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vương Thị M đều trình bày: Từ năm 1989, chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn theo nghi lễ truyền thống rồi về chung sống với gia đình nhà chồng ở xã Phú Thịnh, huyện K, tỉnh Hưng Yên, khi đó chị chưa đủ 18 tuổi nên không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước đó anh chị cũng có thời gian tìm hiểu nhau khoảng vài tháng, sau đó do công việc bận rộn và chung sống với nhau không có hạnh phúc nên anh chị cũng không đi đăng ký kết hôn hợp pháp. Đến năm 1995 anh chị chuyển ra thành phố C sinh sống tại tổ S, khu N, phường C nhưng cuộc sống chung cũng không có hạnh phúc, từ năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân anh chị chung sống không hạnh phúc là do tính cách của anh chị không hợp nhau, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất nên thường xuyên cãi nhau, không kìm chế được bản thân anh T còn đánh chị, nhưng vì các con nên chị đã cho anh T cơ hội để thay đổi nhưng vẫn không được anh T tôn trọng, vẫn tiếp tục đánh chị nhiều lần có lần chị đã phải đi bệnh viện để điều trị. Do lo sợ ảnh hưởng đến tính mạng và sức khỏe nên cũng từ năm 2010 chị đã đưa các con đến tổ B, khu A, phường C, thành phố C để ở mà không chung sống cùng với anh T nữa. Anh chị cũng không tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, cả hai đều không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mâu thuẫn kéo dài, tình cảm dành cho anh T không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh T.

+ Về con chung: Chị và anh Vũ Văn T có 02 con chung là Nguyễn Văn T – sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Văn H – Sinh ngày xx/x/xxxx, hiện nay các con chung của anh chị đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: Không có.

* Tại lời tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Vương Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên nhưng sau đó anh không đến UBND xã để lấy giấy chứng nhận kết hôn, do vậy anh không có để nộp tại Tòa án. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống cùng bố mẹ đẻ anh, đến năm 1991 thì anh chị ra ở riêng tại xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên, cho đến năm 1995 thì chuyển ra sinh sống tại tổ S, khu N, phường C, thành phố C. Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc cho đến tháng 6/2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do thông qua mẹ đẻ chị M anh được biết chị M đã tự ý mua nhà đất ở cả xã Phú Thịnh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên và phường Q, thành phố C mà không bàn bạc, trao đổi với anh nên anh thấy không được tôn trọng, từ đó mâu thuẫn của anh chị xảy ra. Anh đã tìm cách nói chuyện nhưng chị M không giải thích mà lại có thái độ gây căng thẳng, áp lực đến tình cảm vợ chồng, chị M còn kiêu căng xúc phạm anh, đập phá nhà cửa. Do nóng nảy nên anh đã đánh chị M vài lần khiến mâu thuẫn của anh chị trầm trọng hơn, sau đó được khoảng một tháng thì chị M mua nhà và chuyển đi nơi khác, không về chung sống cùng anh nữa, anh chị chính thức sống ly thân từ đó đến nay, cả hai đều không tìm biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, không nhờ gia đình và tổ dân phố hòa giải. Do không còn tình cảm với nhau nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng anh hoàn toàn nhất trí. Trong quá trình sống chung anh chị có 02 con chung đúng như chị M đã khai. Về tài sản và công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vương Thị M, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vương Thị M với anh Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vương Thị M yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Văn T hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Vương Thị M và anh Nguyễn Văn T có quan điểm về việc chung sống và kết hôn không thống nhất với nhau: Chị M cho rằng anh chị chỉ kết hôn theo nghi lễ truyền thống và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đi đăng ký kết hôn hợp pháp vì khi đó chị M chưa đủ tuổi để đi đăng ký kết hôn; Anh T thì cho rằng anh chị có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên nhưng sau đó anh không đến UBND xã để nhận giấy chứng nhận kết hôn nên không có để nộp tại Tòa án. Do anh chị không có quan điểm thống nhất, Tòa án C đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 09/2021/QĐ-CCTLCC ngày 08/6/2021, tại công văn số 30/UBND-TP ngày 17/6/2021 của UBND xã P gửi đến Tòa án nhân dân thành phố C với nội dung: “Qua kiểm tra Sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1989 lưu trữ tại UBND xã Phú Thịnh không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận kết hôn cho công dân: Họ và tên chồng: Nguyễn Văn T – sinh năm 1970, họ và tên vợ: Vương Thị M – sinh năm 1972. Tại Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ anh T cũng không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn nào khác, như vậy lời khai của chị M là phù hợp với nội dung công văn trả lời của UBND xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Về nguyên nhân dẫn đến chị M yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T là do anh chị chung sống với nhau không hạnh phúc, tính cách không hợp nhau, anh T không tin tưởng và tôn trọng chị, anh chị thường có những lời lẽ xúc phạm thậm chí còn xảy ra xô xát làm ảnh hưởng đến tinh thần của nhau. Anh T cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn một phần do lỗi của anh do không kìm chế được bản thân nên có đánh chị M vài lần, anh chị sống ly thân nhau từ năm 2011 đến nay, tình cảm dành cho chị M cũng không còn nên chị M yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, anh T cũng đồng ý. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016

hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M và anh T

Về con chung: Trong quá trình sống chung, chị M và anh T có 02 con chung là Nguyễn Văn T – sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Văn H – Sinh ngày xx/x/xxxx, hiện nay các con chung của anh chị đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh.

Về tài sản chung: Chị Vương Thị M và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Vương Thị M phải nộp án phí đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vương Thị M và anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Vương Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp ngày xx/x/xxxx theo biên lai số: 0005xxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

